TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều

Bà Nguyễn Thị Sen

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1982; Địa chỉ: Cụm 3, xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Cụm 3, xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu Tr trình bày thì: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 26 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T đi làm xa, không quan tâm đến anh. Cả hai đã tìm cách hàn gắn nhưng không được, tình cảm vợ chồng dần xa cách, lạnh nhạt và đã sống ly thân nhau. Anh Tr thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh Tr và chị T có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 09/3/2011 và cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 22/12/2012. Anh Tr có nguyện vọng, sau khi ly hôn anh được nuôi cả hai con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Theo anh Tr, vợ chồng anh không có tài sản chung. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị T thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung đúng như anh Tr trình bày. Chị T thừa nhận vợ chồng chị mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Vì vậy, anh Tr xin ly hôn chị cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng của chị với anh Tr đã không còn. Về con chung, chị T đồng ý để anh Tr được nuôi cả hai con sau khi anh, chị ly hôn. Chị đồng ý cấp dưỡng cùng với anh Tr mỗi tháng 4.000.000 đồng để nuôi các con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung và công sức của chị với gia đình anh Tr, chị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu Tr vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị T xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Tr, cho anh Tr ly hôn chị T. Về con chung: giao cháu L và cháu H cho anh Tr nuôi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng với anh Tr mỗi tháng 4.000.000 đồng. Về tài sản chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh Tr, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu Tr có đơn xin ly hôn và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị T đã có ý kiến chấp nhận các yêu cầu của anh Tr về quan hệ hôn nhân, quyền, nghĩa vụ nuôi con chung, tài sản chung nhưng khi Tòa án mở phiên hòa giải để các đương sự trực tiếp thống nhất với nhau về các nội dung cần giải quyết thì chị T vắng mặt. Do đó, Tòa án không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh Tr xin ly hôn, chị T đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Tr và chị T ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 09/3/2011 và cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn, anh Tr xin nuôi cả hai con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung 4.000.000 đồng/ 01 tháng.

[2.2.1]. Xét thấy, từ khi chị T và anh Tr sống ly thân, cháu L và cháu H vẫn sống cùng anh Tr, do anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc; các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố; khi ly hôn, anh Tr có nguyện vọng được nuôi hai con, chị T đồng ý để cho anh Tr được nuôi cả hai và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Tr mỗi tháng 4.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai cháu Nguyễn Thị Thùy L và Nguyễn Tuấn H cho anh Tr nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng anh Tr mỗi tháng 4.000.000 đồng; cụ thể cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/01 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 03 năm 2023.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Anh Tr và chị T đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu Tr đối với chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 09/3/2011 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 22/12/2012. Giao cháu Nguyễn Thị Thùy L và cháu Nguyễn Tuấn H cho anh Nguyễn Hữu Tr nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy L và cháu Nguyễn Tuấn H cùng với anh Nguyễn Hữu Tr, cụ thể cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/01 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian bắt đầy cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2023 cho đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003013 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện ĐP, Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP, Hà Nội;
- UBND xã TH, huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà